

Biên Hòa, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Số: 1525/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2000/2023/TLST – VHNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Diệp Đức T, sinh năm 1981;

Địa chỉ thường trú: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Phạm Thị Phương T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: : phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Diệp Đức T và bà Phạm Thị Phương T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 21 cấp ngày 24/10/2010 nên căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Diệp Đức T và bà Phạm Thị Phương T1 khai, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan

điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau, thường xuyên cãi vã nên gia đình luôn căng thẳng. Cả vợ chồng mặc dù đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai vợ chồng ông bà thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Diệp Đức T và bà Phạm Thị Phương T1 xác định, vợ chồng có 01 con chung tên Diệp Khánh C, sinh ngày 16/4/2012. Ly hôn, ông T và bà T1 thống nhất giao con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Diệp Đức T và bà Phạm Thị Phương T1 phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 9 năm 2023 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của ông T, bà T1 đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông Diệp Đức T và bà Phạm Thị Phương T1.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Diệp Đức T, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Phương T1, sinh năm 1981 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Diệp Khánh C, sinh ngày 16/4/2012. Ly hôn các đương sự thống nhất giao con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Ông Diệp Đức T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn, ông T, bà T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T (không trực tiếp nuôi con) được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí: Ông Diệp Đức T và bà Phạm Thị Phương T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0008732 ngày 30/8/2023, ông T và bà T1 đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám